BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 415 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v chi trợ cấp xã hội cho sinh viên HKII năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT, ngày 24/03/2021 của Hội đồng trường Trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Xét hồ sơ chính sách của sinh viên học kỳ II năm học 2022-2023;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị và Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền trợ cấp xã hội HKII năm học 2022-2023 cho 131 sinh viên (có danh sách kèm theo), mỗi sinh viên 200.000đ/tháng và được cấp 05 tháng tương ứng với 01 học kỳ, tổng số tiền là 131.000.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu đồng chẵn).

Điều 2. Trưởng phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, các trưởng đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách ghi ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.CTCTSV.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

Phụ lục I

DANH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI HKII NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số: 415 /QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

ĐVT: VN đồng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
	Khóa 61							
1	61133127	Ngụy Lưu Ngọc	Minh	21-06-2001	61.CNXD-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
2	61133499	Bá Thiên	Định	01-06-2000	61.CNOT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
3	61134446	Cà Thị Ánh	Thương	02-09-2001	61.QTKS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
4	61136353	Phú Văn	Được	05-08-2001	61.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
5	61133093	Quảng Thị Mỹ	Kiều	02-01-2001	61.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
6	61130933	Châu Nữ Ngọc	Quý	17-08-2001	61.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
7	61131532	Kiều Thị Hạ	Vi	13-07-2001	61.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
8	61132068	Từ Bá Ri	Sa	26-07-2001	61.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
9	61134474	Bá Thị Kha	Thy	03-07-2001	61.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
10	61134714	Vương	Vũ	05-01-2000	61.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
11	61136473	Lù Seo	Bo	02-01-2001	61.CNXD-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
12	61134389	Thập Đức	Thiên	01-08-2001	61.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
13	61133040	Đặng Thị	Đào	06-09-2001	61.NNA-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
14	61133349	Phan Trịnh Phúc	An	24-01-2001	61.NNA-6	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
15	61134719	Huỳnh Trúc	Vy	16-08-2000	61.KDTM-1	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
16	61130580	Võ Thị Trà	Mi	28-07-2001	61.KT-4	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
17	61136497	Trịnh Thị Thu	Hương	08-10-2001	61.MARKT-1	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
18	61130499	Nguyễn Thị Thúy	Liền	18-08-2001	61.KT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
19	61130151	Mạnh Trúc	Diệp	16-12-2001	61.QTKS-6	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
20	61133000	Trần Thị Huỳnh	Linh	29-01-2001	61.QTKS-6	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
21	61131725	Trương Thị Hương	Giang	10-03-2001	61.LKT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
22	61131658	Bùi Thị Cẩm	Chi	29-10-2001	61.QTKS-6	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
23	61133692	Nguyễn Thị Kim	Huê	30-05-2001	61.KT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
24	61136414	Nguyễn Hoàng	Vũ	26-09-2001	61.QTKS-CLC	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
25	61134113	Trần Thị Yến	Nhi	13-12-2001	61.QTKS-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
26	61130023	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	24-02-2001	61.QTKS-7	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
27	61133829	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	15-06-2001	61.NNA-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
28	61136482	Phan Văn	Hiếu	15-01-2001	61.DDT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
29	61133492	Cao Phạm Thị Thúy	Diễm	16-03-2001	61.NNA-6	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
30	61131900	Nguyễn Thị Ly	Ly	07-01-2001	61.LKT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
31	61134354	Trần Thị	Thanh	10-12-2001	61.KT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
32	61133375	Trương Ngọc	Ánh	10-06-2001	61.NNA-6	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
33	61134745	Kỳ Khả	Ý	30-07-2000	61.QTKS-7	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
34	61133996	Phạm Thị Thúy	Nga	03-07-2001	61.MARKT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
35	61133726	Trần Thị Thúy	Hường	20-01-2001	61.MARKT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
36	61130340	Nguyễn Xuân	Hồng	02-03-2001	61.NNA-5	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
37	61134577	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	13-08-2001	61.CNTP-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
38	61131769	Võ Phú	Hiệp	19-08-2001	61.NNA-7	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
39	61132204	Đoàn Thị Huyền	Trang	28-10-2001	61.QTKS-5	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
40	61131779	Đào Thị Mỹ	Hòa	29-05-2001	61.QTKS-7	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
41	61133913	Nguyễn Đắc	Luân	02-09-2001	61.QTKD-4	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
42	61136367	Trần Thị	Khuyên	28-05-2001	61.KDTM-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
	Khóa 62							
43	62130900	H' Lý	Knul	11-08-2002	62.KDTM-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
44	62132018	Pi Năng Thị	Thiệp	01-01-2002	62.KT-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
45	62130291	Đàng Thị Mỹ	Dung	03-09-2002	62.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
46	62134072	Nông Thị Hồng	Nhung	04-05-2002	62.QTDL-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
47	62132176	Mang Thị Bích	Thuyền	15-09-2002	62.QTKD-4	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
48	62133113	Đạt Ngọc	Luật	20-04-2002	62.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
49	62133070	Sử Ngọc	Khải	02-02-2002	62.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
50	62139063	Lý Minh	Phú	01-01-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
51	62130397	Mấu Thị Hương	Giang	20-07-2002	62.QTDL-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
52	62139034	Danh Hoàng	Đệ	02-07-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
53	62130877	Dương Trung	Kiên	13-05-2002	62.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
54	62131860	Đào Thiện	Thạch	08-08-2020	62.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
55	62131595	Ngưu Văn	Phước	21-09-2002	62.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
56	62134185	Vạn Thị	Sươn	07-07-2002	62.TCNH-4	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
57	62139068	Mã Minh	Thắng	11-03-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
58	62133749	Đàng Nữ Phượng	Hồng	13-09-2002	62.CNTP-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
59	62133818	Phú Ngụy Diễm	Khanh	04-10-2002	62.CNTP-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
60	62131458	Hán Thị Mỹ	Như	23-11-2002	62.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
61	62139059	Hồng Quốc	Phát	03-10-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
62	62132261	Vũ Xuân	Toàn	12-03-2002	62.QTDL-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
63	62131354	Trần Uyển Hạ	Nguyên	26-03-2002	62.CNTP-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
64	62133847	Hồ Thị Thúy	Kiều	15-01-2002	62.CNOT-4	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
65	62133959	Nguyễn Thành	Nam	02-11-2001	62.QTDL-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
66	62130906	Lê Thị Ngọc	Lam	05-11-2002	62.QTKD-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
67	62134235	Trương Trung	Thành	14-01-2002	62.CBTS	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
68	62130579	Lê Thị Ngọc	Hoa	07-11-2002	62.QTKS-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
69	62131892	Lê Thị Kim	Thanh	25-01-2002	62.QTKS-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
70	62133971	Huỳnh Thị Việt	Ngân	26-04-2002	62.CNTP-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
71	62131882	Ngô Đức	Thắng	29-05-2002	62.NNA-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
72	62130305	Võ Thị Kim	Dung	21-06-2002	62.QTKD-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
73	62134556	Nguyễn Thị Mai	Hồng	14-12-2002	62.KTPT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
74	62132187	Não Thị Tiên	Tiên	26-03-2002	62.QTKS-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
75	62131345	Nguyễn Thái	Nguyên	04-01-2002	62.KTTT	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
76	62130115	Nguyễn Trọng	Bình	10-08-2002	62.KTPT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
77	62130254	Nguyễn Khánh	Diệp	02-09-2002	62.QTKS-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
78	62131592	Nguyễn Đỗ Kim	Phụng	08-09-2002	62.QLTS	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
79	62132304	Dương Thị Mộng	Trân	13-05-2002	62.QTKD-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
80	62133675	Lại Thị Thu	Hằng	07-12-2002	62.QTKS-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
	Khóa 63							
81	63132399	Thiên Thị Hồng	Nhi	27-09-2003	63.CNTP-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
82	63133670	Phú Thị	Đạt	10-11-2003	63.TCNH-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
83	63133730	Trượng Thị Thu	Dự	06-03-2003	63.TCNH-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
84	63134366	Phú Trung	Kiên	22-12-2003	63.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
85	63135845	Đồng Gia	Trí	03-08-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
86	63133430	Ngưu Kỳ Duy	Anh	05-07-2003	63.CNOT-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
87	63134547	Não Anh	Lực	26-12-2001	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
88	63130063	Thành Quốc	Anh	19-05-2003	63.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
89	63135748	Bá Văn	Toản	10-07-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
90	63131120	Đàng Năng	Quý	20-07-2002	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
91	63132048	Trương Xuân	Hiệp	25-10-2003	63.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
92	63135930	Lưu Quốc	Trung	03-09-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
93	63131991	Lượng Thị	Gim	09-01-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
94	63130753	Đàng Nữ Hoàng	My	24-12-2003	63.TCNH-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
95	63130592	Đồng Thị Ngọc	Khuyến	28-05-2003	63.TCNH-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
96	63136334	Trượng Anh	Vũ	14-07-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
97	63135322	Sử Hoàng	Sang	17-02-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
98	63132338	Thiên Xuân	Nghĩa	08-03-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
99	63132247	Mã Thạch	Lực	20-10-2003	63.XDCTGT	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
100	63132544	Hán Thị	Sôni	21-07-2003	63.QLTS	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
101	63132581	Thập Nữ Thúy	Thanh	22-01-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
102	63133202	Thập Nữ Thanh	Thúy	22-01-2003	63.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
103	63134747	Quảng Thị Kim	Ngân	03-02-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
104	63134979	Hồ Ngọc Khánh	Như	06-01-2003	63.CNTT-3	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
105	63135927	Bùi Chí	Trung	28-03-2003	63.NNA-3	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
106	63132221	Nguyễn Thị Thúy	Linh	16-09-2003	63.NNA-7	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
107	63135990	Nguyễn Thanh	Tùng	17-09-2003	63.CNTP-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
108	63133324	Lương Thị	Thủy	01-04-2002	63.QTDLP	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
109	63130365	Trần Hoàng	Hân	04-04-2003	63.QTKS-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
110	63130714	Phạm Thị Cẩm	Ly	22-12-2003	63.MARKT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
111	63130752	Võ Thị Hồng	Mơ	27-02-2003	63.NNA-4	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
112	63131129	Đặng Hoài Mỹ	Quyên	16-09-2003	63.KT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
113	63134443	Đặng Huyền	Linh	11-12-2003	63.KDTM-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
114	63136144	Phạm Minh	Vương	20-01-2003	63.KHHH-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
115	63135350	Nguyễn Phúc	Sỹ	27-01-2003	63.CNTT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
116	63134095	Lê Thị Tuyết	Hồng	24-10-2003	63.QTKS-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
117	63131125	Phạm Phú	Quý	13-07-2003	63.MARKT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
118	63135389	Dương Thị	Tầm	12-05-2003	63.KT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
119	63132611	Võ Thị Thanh	Thảo	22-05-2003	63.TCNH-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
120	63135733	Lê Thị	Tình	02-01-2003	63.KT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
	Khóa 64							
121	64133435	Lưu Thị Kim	Liên	30-06-2003	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
122	64130161	Thiên Thị Như	Bình	27-04-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
123	64131187	Trượng Nữ Khánh	Linh	02-09-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
124	64132064	Thành	Sơn	05-05-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
125	64132759	Miều Văn	Trung	22-05-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
126	64132951	Hồ Thúy	Vi	03-08-2004	64.NNA-5	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
127	64132593	Võ Hoàng Bảo	Trâm	05-08-2004	64.TCNH-1	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
128	64132136	Trần Thanh	Thân	24-10-2002	64.KHHH-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
129	64132873	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	06-06-2004	64.NNA-5	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
130	64133094	Đinh Thị Mỹ	Xa	01-05-2004	64.KT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
131	64130141	Phan Thị Hồng	Bích	13-07-2004	64.NNA-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
Tổng cộng:								**131.000.000**
Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt triệu đồng chẵn.								

(Danh sách bao gồm 131SV)

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

TRƯỞNG PHÒNG CTCTSV

Tống Văn Toản

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trần Thị Thùy Dương